

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi**  
**và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu**  
**giữa các cấp ngân sách tỉnh thời kỳ 2011- 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHOÁ XIII**  
**KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật ban hành văn bản quy phạm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004; Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Luật thuế bảo vệ môi trường; Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20/11/2012; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Điều 34, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Điều 10, Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 14/3/2014 của UBND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Sơn La giai đoạn 2014- 2015; Báo cáo thẩm tra số 372/BC-KTNS ngày 29/3/2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh thời kỳ 2011 - 2015.**

**A. PHÂN CẤP NGUỒN THU**

**I. Nguồn thu của ngân sách tỉnh**

1. Thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng thu từ

hoạt động xố số kiến thiết, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng).

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế thu nhập doanh nghiệp từ thu hoạt động xố số kiến thiết).

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xố số kiến thiết).

4. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục Thuế tỉnh quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do Cục Thuế tỉnh quản lý thu.

5. Thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu của các doanh nghiệp do Cục thuế quản lý thu.

6. Thuế tài nguyên nước Thủy điện Hoà Bình, Thủy điện Sơn La và các thủy điện có công suất từ 100MW trở lên do Cục Thuế tỉnh quản lý thu.

7. Thuế tài nguyên của các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (trừ thuế tài nguyên từ hoạt động khai thác khoáng sản).

8. Thuế môn bài của các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu.

9. Tiền đền bù thiệt hại đất.

10. Thuế sử dụng đất nông nghiệp do doanh nghiệp nộp.

11. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

12. Thu từ hoạt động xố số kiến thiết.

13. Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu thanh lý tài sản.

14. Các khoản phí, lệ phí nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (trừ lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản).

15. Thu từ hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

16. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

17. Thu huy động vốn (theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN).

18. Thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

19. Thu phạt vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.
20. Thu kết dư ngân sách tỉnh.
21. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.
22. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.
23. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau.
24. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.
25. Huy động của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.
26. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
27. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giấy phép do Trung ương cấp do Cục thuế quản lý thu.

## **II. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện:**

1. Thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng), thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp, các cá nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã do Chi cục thuế quản lý thu.
2. Thuế môn bài của các doanh nghiệp và các cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố do Chi cục thuế quản lý thu.
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt do Chi cục Thuế quản lý thu.
4. Lệ phí trước bạ.
5. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục Thuế huyện, thành phố quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; các khoản thu nhập cá nhân khác do Chi cục Thuế quản lý thu.
6. Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản và các khoản thuế tài nguyên khác do Chi cục thuế quản lý thu ( Trừ thuế tài nguyên khai thác quặng Niken và các khoáng sản kim loại khác do Cục thuế quản lý thu).
7. Thuế tài nguyên nước các nhà máy thủy điện trên địa bàn (có công suất dưới 100 MW).
8. Thu tiền cấp quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình nộp; thu tiền cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế thông qua đấu giá.

9. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

10. Tiền cho thuê đất, mặt nước của các tổ chức, doanh nghiệp do Chi cục thuế quản lý thu.

11. Các khoản phí, lệ phí nộp ngân sách cấp huyện theo quy định của Pháp luật; Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện.

12. Thu từ hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

13. Thu phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

14. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

15. Thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

16. Thu phạt vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

17. Thu kết dư ngân sách huyện, thành phố.

18. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách Tỉnh.

19. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau.

20. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

21. Huy động của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

22. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

23. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giấy phép do UBND tỉnh cấp do Chi cục thuế quản lý thu.

### **III. Nguồn thu của ngân sách cấp xã**

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân thu từ cá nhân và hộ kinh doanh;

2. Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

3. Thuế tài nguyên đối với khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên từ các hộ kinh doanh, hộ gia đình và cá nhân khác.

4. Thuế phát sinh từ hoạt động kinh doanh vận tải tư nhân;

5. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

6. Thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương của cán bộ, công chức xã; thuế thu nhập cá nhân do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước;

7. Thuế sử dụng đất nông nghiệp do cá nhân, hộ gia đình nộp;
8. Lệ phí trước bạ nhà, đất;
9. Các khoản phí, lệ phí nộp ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;
10. Thu sử dụng quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác;
11. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã;
12. Thu phạt vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng;
13. Thu kết dư ngân sách xã;
14. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách huyện;
15. Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau;
16. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;
17. Huy động của các tổ chức, cá nhân nộp ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;
18. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

## **B. PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI**

### **I. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh**

#### **1. Chi đầu tư phát triển**

- 1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do Tỉnh quản lý;
- 1.2. Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước;
- 1.3. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất;
- 1.4. Chi bổ sung quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật;
- 1.5. Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết;
- 1.6. Chương trình mục tiêu Quốc gia do Chính phủ giao cho Tỉnh quản lý;
- 1.7. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;
- 1.8. Các khoản chi đầu tư khác.

#### **2. Chi thường xuyên**

- 2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá, thể thao - du lịch, thông tin truyền thông, văn học nghệ thuật, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp do tỉnh quản lý.

a) Giáo dục phổ thông trung học, phổ thông dân tộc nội trú (bậc tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông), Trung tâm giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục khác.

b) Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

c) Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác.

d) Các trung tâm xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

đ) Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác.

e) Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

g) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

h) Các hoạt động sự nghiệp thông tin truyền thông.

i) Các hoạt động sự nghiệp du lịch.

k) Các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý.

## 2.2. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý.

a) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh lộ, đường liên tỉnh.

b) Sự nghiệp nông nghiệp, thuỷ lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thuỷ lợi, kênh mương; các trạm trại nông, lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

c) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

d) Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các sự nghiệp địa chính khác.

đ) Điều tra cơ bản.

g) Các hoạt động sự nghiệp về môi trường.

h) Các hoạt động sự nghiệp công thương.

i) Kinh phí công tác quy hoạch.

k) Các sự nghiệp kinh tế khác.

## 2.3. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

2.4. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh quản lý.

2.5. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh quản lý.

2.6. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do tỉnh quản lý.

2.7. Trợ giá theo chính sách của Nhà nước.

2.8. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm lâm luật, vi phạm an toàn giao thông và các khoản thu phạt tịch khác.

2.9. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

2.10. Chi từ nguồn kết dư ngân sách.

2.11. Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

2.12. Chi từ nguồn vay Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

2.13. Các khoản chi khác.

### **3. Các khoản chi khác**

3.1. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước sửa đổi;

3.2. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh;

3.3. Chi bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố.

## **II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện**

### **1. Chi đầu tư phát triển**

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do huyện, thành phố quản lý;

1.2. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất và nguồn thu khác theo nghị quyết của Quốc hội;

1.3. Chi bổ sung quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật;

1.4. Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết;

1.5. Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng.

1.6. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;

1.7. Thành phố Sơn La được phân cấp nhiệm vụ: Chi đầu tư xây dựng các trường Tiểu học, Trung học cơ sở và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị.

### **2. Chi thường xuyên**

2.1. Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá, thể thao - du lịch, thông tin truyền thông, văn học nghệ thuật, môi trường, các hoạt động sự nghiệp do huyện, thành phố quản lý.

a) Giáo dục phổ thông (bậc tiểu học, trung học cơ sở), bồi túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác.

b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở.

c) Phòng bệnh, chữa bệnh; hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã và các hoạt động y tế khác.

d) Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

đ) Bảo tồn, thư viện và các hoạt động văn hoá khác.

g) Bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp huyện, các giải thi đấu cấp huyện, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

h) Các hoạt động sự nghiệp thông tin truyền thông.

i) Các hoạt động sự nghiệp du lịch.

k) Các sự nghiệp khác do huyện, thành phố quản lý.

#### 2.2. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do huyện quản lý.

a) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường giao thông do huyện quản lý, đường nội thị, đường giao thông nông thôn và các công trình giao thông khác theo quyết định phân cấp; phát triển giao thông nông thôn.

b) Sự nghiệp công nghiệp, nông nghiệp, thuỷ lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thuỷ lợi, kênh mương; công tác khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

c) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước và các sự nghiệp thị chính khác.

d) Chi sự nghiệp môi trường và chi thực hiện chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo vệ tài nguyên, khoáng sản chưa khai thác: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu dân cư; chi quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản; quy hoạch phát triển đô thị nông thôn; bảo hộ ổn định đời sống và sản xuất cho tổ chức, bộ phận nhân dân nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến.

đ) Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các sự nghiệp địa chính khác.

g) Riêng Thành phố Sơn La được phân cấp bổ sung nhiệm vụ chi công tác quản lý đô thị: Giao thông đô thị, vệ sinh đô thị.

#### 2.3. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định

2.4. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội do huyện, thành phố quản lý.

2.5. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp huyện, thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

2.6. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do huyện, thành phố quản lý.

2.7. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm lâm luật và các khoản thu phạt tịch khác.

2.8. Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

2.9. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

2.10. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

2.11. Chi từ nguồn kết dư ngân sách.

2.12. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

2.13. Các khoản chi khác.

### **III. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã**

#### **1. Chi đầu tư phát triển**

1.1. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu, sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý;

1.2. Chi từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;

#### **2. Chi thường xuyên**

2.1. Các hoạt động sự nghiệp y tế, xã hội, văn hoá thông tin, thể dục thể thao do xã quản lý.

a) Chi chế độ phụ cấp cho cán bộ y tế bản và các hoạt động y tế khác.

b) Cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

c) Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao.

2.2. Chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, bản; Chế độ phụ cấp cấp uỷ bản, tiểu khu, tổ dân phố.

2.3. Chi công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ở cấp xã.

2.4. Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã quản lý.

2.5. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm lâm luật và các khoản thu phạt tịch khác.

2.6. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau.

2.7. Chi từ nguồn kết dư ngân sách.

2.8. Chi từ nguồn viện trợ, nguồn thu sự nghiệp.

2.9. Chi từ nguồn thu hoạt động khoáng sản: Tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về hoạt động khoáng sản;

đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn môi trường nơi khai thác, chế biến khoáng sản và các khoản chi khác.

2.10. Chi từ nguồn thu phạt vi phạm an toàn giao thông.

2.11. Các khoản chi khác.

**Điều 2. Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh thời kỳ 2011 - 2015:**

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố	Ngân sách xã, phường, thị trấn
<b>1</b>	<b>Thu từ doanh nghiệp Trung ương quản lý</b>			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	Tr.đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tài nguyên			
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên nước Thủy điện Hoà Bình, Thủy điện Sơn La và các Thủy điện có công suất từ 100 MW trở lên	100		
	+ Thuế tài nguyên nước các Thủy điện có công suất dưới 100 MW		100	
	+ Thuế tài nguyên từ khai thác khoáng sản		70	30
	- Thuế môn bài	100		
<b>2</b>	<b>Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty cổ phần và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do Cục thuế quản lý thu</b>			
	- Thuế giá trị gia tăng	100		
	Tr.đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại Kho bạc nhà nước huyện, thành phố đối với các khoản thanh		100	

	toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
	- Thuế tài nguyên			
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên nước thủy điện (Nhà máy có công suất từ 100MW trở lên)	100		
	+ Thuế tài nguyên nước các Thủy điện có công suất dưới 100 MW		100	
	+ Thuế tài nguyên từ khai thác khoáng sản		70	30
	- Thuế môn bài	100		
	- Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)	100		
<b>3</b>	<b>Thu từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tỉnh khác kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố do Chi cục thuế quản lý thu</b>			
	- Thuế giá trị gia tăng (Bao gồm cả Nhà máy thủy điện có công suất dưới 100 MW)		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp (Bao gồm cả Nhà máy thủy điện có công suất dưới 100 MW)		100	
	- Thuế tài nguyên			
	Tr.đó: + Thuế tài nguyên nước thủy điện (Nhà máy có công suất dưới 100MW)		100	
	+ Thuế tài nguyên từ khai thác khoáng sản		70	30
	- Thuế môn bài		100	
<b>4</b>	<b>Thu hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh (không kể hoạt động kinh doanh vận tải)</b>			
	- Thuế giá trị gia tăng			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn			100
	+ Trên địa bàn phường		70	30
	- Thuế tài nguyên			

	Tr.đó: Thuế tài nguyên từ khai thác khoáng sản		70	30
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	
	- Thuế môn bài			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn			100
	+ Trên địa bàn phường		50	50
<b>5</b>	<b>Thuế thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của các cá nhân, hộ tư nhân</b>			100
<b>6</b>	<b>Thuế tiêu thụ đặc biệt</b>			
	- Các tổ chức kinh tế do Cục thuế quản lý thu	100		
	- Các tổ chức kinh tế do Chi cục thuế quản lý thu		100	
<b>7</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>			
	- Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế quản lý thu thuế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100		
	- Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế quản lý thu thuế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện		100	
	- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn			100
	- Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế		100	
	- Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn		30	70
	+ Trên địa bàn phường		50	50
	- Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			
	+ Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100		

	+ Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do Chi cục thuế quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100	
	+ Do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước			100
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác			
	+ Do Cục thuế tỉnh quản lý thu thuế	100		
	+ Do Chi cục thuế huyện, thành phố quản lý thu thuế		100	
<b>8</b>	<b>Thu tiền cho thuê đất</b>			
	- Các tổ chức do Chi cục thuế quản lý thu thuế		100	
	Riêng thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đối với hoạt động khoáng sản	30	70	
<b>9</b>	<b>Thu tiền cấp quyền sử dụng đất</b>			
	- Thu của các tổ chức, hộ gia đình do Chi cục thuế quản lý thu			
	+ Trên địa bàn xã, thị trấn	30	60	10
	+ Trên địa bàn phường	30	70	
<b>9a</b>	<b>Thu tiền đất từ khai thác quỹ đất để tạo vốn đầu tư của tỉnh</b>	100		
<b>10</b>	<b>Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp</b>	100		
<b>11</b>	<b>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>			
	- Các tổ chức kinh tế nộp	100		
	- Các hộ gia đình nộp			100
<b>12</b>	<b>Lệ phí trước bạ (trừ trước bạ nhà, đất)</b>		100	
<b>13</b>	<b>Lệ phí trước bạ nhà đất</b>			
	- Trên địa bàn xã, thị trấn		20	80
	- Trên địa bàn phường		70	30
<b>14</b>	<b>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>			

	- Trên địa bàn xã, thị trấn		20	80
	- Trên địa bàn phường		50	50
<b>15</b>	<b>Thu tiền cho thuê đất, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (kể cả tiền sử dụng đất theo nhà)</b>	100		
<b>16</b>	<b>Thu từ xổ số kiến thiết</b>	100		
<b>17</b>	<b>Thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu</b>			
	- Do Cục thuế tỉnh quản lý thu	100		
<b>18</b>	<b>Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật</b>			
	- Nộp ngân sách tỉnh	100		
	- Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	- Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
<b>19</b>	<b>Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản và phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản</b>		70	30
<b>20</b>	<b>Tiền thu hồi vốn, thu hồi tiền vay, thu nhập từ vốn góp của ngân sách cấp tỉnh</b>	100		
<b>21</b>	<b>Thu phạt vi phạm an toàn giao thông</b>			
	- Tỉnh thu	100		
	- Huyện, thành phố thu	60	40	
<b>22</b>	<b>Thu phạt vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng</b>			
	- Chi cục kiểm lâm thu	100		
	- Huyện, thành phố thu		100	
	- Xã, phường, thị trấn thu			100
<b>23</b>	<b>Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật)</b>			
	- Cho tỉnh	100		
	- Cho huyện, thành phố		100	
	- Cho xã, phường, thị trấn			100
<b>24</b>	<b>Viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật</b>			
	- Cho tỉnh	100		

	- Cho huyện, thành phố		100	
	- Cho xã, phường, thị trấn			100
<b>25</b>	<b>Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật</b>			
	- Nộp ngân sách tỉnh	100		
	- Nộp ngân sách huyện, thành phố		100	
	- Nộp ngân sách xã, phường, thị trấn			100
<b>26</b>	<b>Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản</b>			
	- Của huyện, thành phố		100	
	- Của xã, thị trấn			100
	- Của phường			100
<b>27</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương</b>	100		
<b>28</b>	<b>Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau</b>			
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100		
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp huyện		100	
	- Chuyển nguồn ngân sách cấp xã			100
<b>29</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>			
	- Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100		
	- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp huyện		100	
	- Ngân sách Huyện bổ sung cho ngân sách cấp xã			100
<b>30</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh (không bao gồm bổ sung quỹ dự trữ tài chính)	100		
	- Kết dư ngân sách cấp huyện		100	
	- Kết dư ngân sách cấp xã			100
<b>31</b>	<b>Thu khác theo quy định của pháp luật</b> ( <i>Thu phạt vi phạm hành chính, lâm luật...</i> )			
	- Đơn vị Trung ương nộp	100		
	- Đơn vị tỉnh nộp	100		
	- Đơn vị huyện, thành phố nộp		100	

	- Xã, phường, thị trấn nộp			100
<b>32</b>	<b>Thu phạt vi phạm hành chính đối với các hoạt động khoáng sản</b>		70	30
<b>33</b>	<b>Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</b>			
-	Giấy phép do UBND tỉnh cấp	100		

**Điều 3. Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 325/2010/NQ-HĐND ngày 08/7/2010 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Sơn La thời kỳ 2011-2015; Nghị quyết số 326/2010/NQ-HĐND ngày 08/7/2010 về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Sơn La thời kỳ 2011-2015; Nghị quyết số 20/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 325/2010/NQ-HĐND, Nghị quyết số 326/2010/NQ-HĐND và Nghị quyết số 48/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 về bổ sung Nghị quyết số 326/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện:**

1. UBND tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XIII, kỳ họp chuyên đề thứ ba thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2014./.

**Nơi nhận :**

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- UB TC - NS của Quốc hội;
- VP QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện uỷ, thành uỷ; HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Văn phòng tỉnh uỷ; VP UBND Tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm công báo tỉnh; Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT, 450 b.

**CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Hoàng Văn Chất**